

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG MINH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG MINH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG MINH GROUP INVESTMENT AND EXPORT IMPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG MINH GROUP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108425061

3. Ngày thành lập: 10/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 6, ngõ 2, phố Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964781188

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
4.	Sản xuất đường	1072
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
6.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
7.	Sản xuất chè	1076
8.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
9.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
15.	Trồng cây lấy sợi	0116
16.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
17.	Trồng cây hàng năm khác	0119
18.	Trồng cây cà phê	0126
19.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
20.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
21.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

22.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan); Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
28.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
30.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
31.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
34.	Trồng cây cao su	0125

35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
40.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
41.	Trồng lúa	0111
42.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
43.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
44.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
45.	Chăn nuôi gia cầm	0146
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
47.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
48.	Sản xuất sợi	1311
49.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
51.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
53.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
57.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

59.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh. - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn. - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng.	4789
61.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
62.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
63.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
64.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hoá (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
68.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
69.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
70.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71.	Trồng cây mía	0114
72.	Trồng cây chè	0127
73.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
74.	Trồng cây lâu năm khác	0129
75.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
76.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
78.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
79.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
80.	Trồng cây hồ tiêu	0124
81.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
82.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
83.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
84.	Sản xuất cà phê	1077

85.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
86.	Sản xuất giày, dép	1520
87.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
88.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
91.	Tái chế phế liệu	3830
92.	Bán buôn thực phẩm Ngành nghề kinh doanh chính	4632(Chính)
93.	Bán buôn đồ uống	4633
94.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
95.	Trồng cây điều	0123
96.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
97.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
98.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
99.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
100.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
101.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

6. Vốn điều lệ: 1.368.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Xóm 18, Xã Nghi Lâm, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	368.000.000	26,901	187192728	

2	VŨ THẾ MINH	Thôn Thích, Xã Thạch Lỗi, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	1.000.000.000	73,099	142423692	
---	----------------	--	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THẾ MINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *30/07/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142423692*

Ngày cấp: *06/11/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thích, Xã Thạch Lỗi, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *CT3-2215 Chung cư Gelexia Riverside, 885 đường Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội